

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2021

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 515/2020/TLST- HNGĐ ngày 09/12/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/02/2021 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1963 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: tổ 4, ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Ngọc M, sinh năm: 1955 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: tổ 4, ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/12/2020, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà và ông Lê Ngọc M do mai mối rồi tiến tới hôn nhân với nhau vào năm 1982, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện An N, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Bình Định) vào ngày 01/3/1982. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn bà và ông M chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn và phát sinh mâu thuẫn, bà mong muốn ly hôn ông Mạnh từ khi mới sinh đứa con đầu lòng, nhưng do gia đình khuyên bảo nên bà cố gắng chung sống cùng với ông M và sinh những người tiếp theo, nhưng cuộc sống

vẫn không thể hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn là ông M thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, đánh đập bà nhiều lần. Mỗi lần đánh đập bà đều báo chính quyền địa phương và Công an xã đã mời ông M lên làm việc, ông M đã làm bản cam kết không nhậu nhẹt, quậy phá, đánh đập bà nữa, nhưng sau đó ông Mạnh vẫn không thay đổi, chứng nào tật nấy. Cuộc hôn nhân của bà và ông M không có hạnh phúc nên bà và ông M đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân của bà và ông M không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Quá trình chung sống ông bà có 05 con chung gồm: Lê Thanh V, sinh ngày 12/2/1989; Lê Thị Thanh L, sinh ngày: 12/2/1991; Lê Thanh V, sinh ngày: 30/4/1995; Lê Ngọc V, sinh ngày: 30/4/1995; Lê Thị Thanh H, sinh ngày: 10/10/1998, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/01/2021 bà có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Theo lời khai trong hồ sơ thể hiện bị đơn ông Lê Ngọc M trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về cơ sở tiến tới hôn nhân, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông thừa nhận cuộc sống hôn nhân của ông và bà L có xảy ra mâu thuẫn, do từ năm 2016 vợ chồng thay đổi tính tình, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Việc bà L cho rằng ông nhậu nhẹt, say xỉn, quậy phá là không đúng. Việc Công an xã mời ông lên làm việc là do ông nhiều lần đau ốm nhưng vợ, con không quan tâm nên ông bức tức trong người mới quậy phá. Giữa ông và bà L đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Ông xác định không còn tình cảm với bà L, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên ông đồng ý ly hôn với bà L, nhưng ông không tiếp tục lên Tòa án làm việc vì tuổi già, thường xuyên đau ốm, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Các đương sự cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính), biên bản lấy lời khai (bản chính).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

Về nội dung: Áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 26 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà L ly hôn với ông M. Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lê Ngọc M nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Ngọc M có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: tổ 4, ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn và bị đơn có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị L và ông Lê Ngọc M đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nh, huyện An N, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Bình Định) vào năm 1982; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80/1982 ngày 01/3/1982, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L nhận thấy:

Theo trình bày của bà L thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do ông M thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, đánh đập bà nhiều lần. Cuộc hôn nhân của bà và ông M không có hạnh phúc nên bà và ông M đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Tuy ông M không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn như bà L trình bày nhưng ông cũng thừa nhận giữa ông và bà L có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Ông xác định không còn tình cảm với bà L, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên ông đồng ý ly hôn với bà L. Xét thấy ông bà đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 26 Luật HN&GD năm 1959 chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông M.

[6] Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì bà L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 131 của Luật HN và GD năm 2014 và Điều 26 của Luật HN và GD năm 1959.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Lê Ngọc M.

- Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: bà Huỳnh Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0009042 ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã A;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Khuyên